

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 01 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, bà Ngô Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:210/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Buồng N, xã D, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.(Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày :** Về quan hệ hôn nhân chị và anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn ngày 24/04/2014 tại Ủy ban xã T, huyện C.Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống tại xã T. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn trầm trọng vào đầu năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách có nhiều bất đồng, vợ chồng hay cãi nhau, chị còn bị anh H đánh, mâu thuẫn vợ

chồng không thể hoà giải được, vợ chồng đã ly thân. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/2015, Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018. Hiện nay con Phạm Thị Kim H đang ở với chị. Con Phạm Tiến D đang ở với anh H. Vợ chồng ly hôn chị xin nuôi con Phạm Thị Kim H, anh H nuôi con Phạm Tiến D.

Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Trong quá trình chung sống vợ chồng có xây được 01 căn nhà rộng khoảng 200m² và một số đồ dùng khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:** Anh và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã T, huyện C. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau khi kết hôn chị H về gia đình anh tại thôn C sinh sống. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ với người khác, vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 05/2022, chị H và con gái bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, nay xác định không còn tình cảm, chị H làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/ 2015, Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018. Vợ chồng ly hôn anh xin nuôi 02 con chung. Hiện nay anh làm công nhân Công ty Tiên Đạt thu nhập khoảng 8.000.000đồng/ tháng

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có lấy lời khai của cháu Phạm Thị Kim H là con của chị H, anh H cháu có ý kiến: Hiện nay cháu và mẹ đang sống ở nhà ông, bà ngoại, bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến. Hiện nay cháu đang học tại Trường Tiểu học xã D, bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu.

Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn xin từ chối hoà giải nên các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/ 2015. Anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh H có hộ khẩu và đang sinh sống tại xã T, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là phù hợp với quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án chị H, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H theo quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Giáp Văn H đã đăng ký kết hôn vào ngày 24/04/2014 tại Ủy ban xã T, huyện C. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chị H đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, hiện vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau; Anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân, vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành, chị H có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị H, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng

sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H.

[5] .Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/2015, Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018. Vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng Phạm Thị Kim H, anh H có nguyện vọng được nuôi 02 con. Đối với yêu cầu nuôi con của chị H, anh H thì thấy: Hiện nay cháu H đang ở với chị H, cháu đang học tại Trường Tiểu học xã D, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để tiếp tục đi học. Cháu D đang ở với anh H, chị H đồng ý để anh H tiếp tục nuôi cháu D. Vợ chồng chị H có 02 con chung, chị H và anh H đều có việc làm, thu nhập ổn định và căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “ *Trường hợp vợ chồng không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con* ” nên để đảm bảo cho cháu H và cháu D có điều kiện được chăm sóc tốt, để các con ổn định cuộc sống cần giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/ 2015. Anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018 là phù hợp.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị H, anh H thực hiện quyền này.

Anh H, chị H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1 . Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Kim H, sinh 18/01/ 2015. Anh Phạm Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến D, sinh ngày 28/09/2018.

Anh H, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị H, anh H thực hiện quyền này.

Anh H, chị H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013135 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà

